

Số: 2880/TM-NĐSD

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ
Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho
Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV (Công ty) đang có nhu cầu mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với các tài sản cố định trong năm 2027.

Công ty kính mời các đơn vị có chức năng, năng lực cung cấp dịch vụ bảo hiểm quan tâm, tham gia khảo sát thực tế cung cấp báo giá bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc với nội dung như sau:

1. Giới thiệu gói thầu

- Tên hạng mục công việc cần thực hiện: Khảo sát và cung cấp báo giá dịch vụ: Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV năm 2027.

- Nội dung thực hiện: Khảo sát, đánh giá hiện trạng tài sản và cung cấp báo giá để thực hiện mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với các tài sản của Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV. Thời gian mua bảo hiểm từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2027. (Danh mục tài sản cố định như đề nghị kèm theo thư mời).

2. Các yêu cầu về năng lực của nhà cung cấp

Nhà cung cấp nộp kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kèm theo ngành nghề kinh doanh phù hợp với công việc báo giá hoặc cung cấp Hồ sơ năng lực để chứng minh năng lực cung cấp của mình. Hồ sơ bao gồm các nội dung chính:

1. Năng lực pháp lý:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo các ngành nghề kinh doanh.

2. Năng lực tài chính: Nộp báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc kèm một trong các tài liệu: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà nước, bản xác nhận đã kê khai thuế điện tử và chứng từ thanh toán thuế

3. Năng lực kinh nghiệm:

- Năng lực tổ chức
- Năng lực nhân sự.
- Quy mô, mạng lưới khách hàng
- Các hợp đồng tương tự đã thực hiện



3. Các yêu cầu về thương mại

- Bản báo giá phải ghi rõ nội dung công việc, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, tổng giá trị dịch vụ chưa có thuế và đã có thuế GTGT.

- Địa điểm thực hiện: Tại Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV, địa chỉ: Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhà cung cấp đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện, hiệu lực báo giá và các điều kiện thương mại khác

- Giá báo giá phải được tính toán đầy đủ các chi phí liên quan bao gồm cả yêu tố trượt giá và chi phí khác

4. Nội dung yêu cầu báo giá

- Trước khi gửi bản báo giá, nhà cung có thể tham gia khảo sát thực tế thiết bị tại nhà máy.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế và danh mục tài sản do Công ty cung cấp, đề nghị Quý Đơn vị cung cấp báo giá bảo hiểm, trong đó nêu rõ tối thiểu các nội dung:

- Đối tượng và phạm vi bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, tỷ lệ phí bảo hiểm, phí bảo hiểm trước thuế, thuế GTGT, tổng phí bảo hiểm đã bao gồm thuế, mức khấu trừ/miễn thường áp dụng...

5. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trưởng hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ:

+ Phòng Tổ chức –Hành chính (Bộ phận Văn thư) Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV, Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh;

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: Sondongvpct@gmail.com.

+ Mọi thông tin trao đổi xin vui lòng liên hệ: Số điện thoại: 0963.713.352

- Thời gian nhận bản báo giá: Không chậm hơn 16 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: bachbx@vinacomipower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KHĐTVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hồng Chuyên

Số: 701 /ĐN - KTAT

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2026

ĐỀ NGHỊ
V/v: Mua bảo hiểm cháy nổ TSCĐ năm 2027

Kính gửi: Ông Giám đốc Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV.

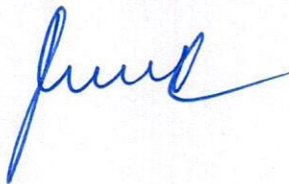
Căn cứ danh mục Tài sản cố định đã được xây dựng trong năm 2026 của Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV.

Nhằm hạn chế tối đa thiệt hại khi có sự cố xảy ra, Phòng Kỹ thuật – An toàn đề nghị ông Giám đốc duyệt cho ký hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ cho các hệ thống, thiết bị nằm trong danh mục tài sản cố định của Công ty năm 2027 (chi tiết như phụ lục đính kèm).

Vậy Phòng Kỹ thuật - An toàn kính trình ông Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC DUYỆT



PHÒNG KT – AT



Nguyễn Văn Hạnh

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các PGĐ;
- P.KHĐTVT (t/h);
- P. KTTC (t/h);
- Lưu KTAT.

Phụ lục: CHI TIẾT DANH MỤC TÀI SẢN YÊU CẦU BẢO HIỂM NĂM 2027
(Đính kèm đề nghị số: **701** /ĐN - KTAT ngày **14** tháng 9 năm 2026)

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
1.	Hệ thống rãnh cáp	
2.	Kho than	
3.	Hệ thống nước làm mát	
4.	Tháp làm mát	
5.	Hệ thống bể chứa	
6.	Hệ thống xử lý nước thải	
7.	Hệ thống xử lý nước	
8.	Đường và hệ thống thoát nước	
9.	Gian Tuabin,bunke, điều khiển trung tâm, lò hơi	
10.	Ống khói	
11.	Nhà hành chính	
12.	Nhà phụ trợ	
13.	Móng thiết bị	
14.	Nhà ở CBCNV tại mặt bằng bãi tập kết -tổ hợp thiết bị (nhà 4 tầng cũ)	
15.	Đập nước số 1 và đường công vụ (gói thầu số 10a)	
16.	Đập nước số 2(gói thầu số 10b)	
17.	Nhà ở CBCNV + Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở làng Nòn (Gói thầu 9b+9c)	
18.	Nhà nghỉ giữa ca cho CBCNV	
19.	Khu CBCNV điều hành sản xuất	
20.	Hạ tầng khu nhà ở CBCNV	
21.	Hệ thống điều hòa trung tâm	
22.	Hệ thống điều hòa khối nhà hành chính	
23.	Hệ thống điều hòa khối nhà ăn ca	
24.	Hệ thống điều hòa khối phân xưởng vận hành	
25.	Hệ thống điều hòa khối trung tâm nhiên liệu	
26.	Điều hòa Phòng 6,6kV tổ 1 số 1	
27.	Điều hòa Phòng 6,6kV tổ 1 số 2	
28.	Điều hòa Phòng 6,6kV tổ 2 số 1	
29.	Điều hòa Phòng 6,6kV tổ 2 số 2	
30.	Điều hòa Phòng 6,6kV dùng chung	
31.	Điều hòa Phòng 0,4kV tổ 1	
32.	Điều hòa Phòng 0,4kV tổ 2	
33.	Điều hòa Trạm 220kV số 1	
34.	Điều hòa Trạm 220kV số 2	
35.	Điều hòa Phòng kích từ tổ 1 số 1	
36.	Điều hòa Phòng kích từ tổ 1 số 2	
37.	Điều hòa Phòng kích từ tổ 2	
38.	Điều hòa Phòng UPS&DC tổ 1 số 1	
39.	Điều hòa Phòng UPS&DC tổ 1 số 2	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
40.	Điều hòa Phòng UPS&DC tổ 2 số 1	
41.	Điều hòa Phòng UPS&DC tổ 2 số 2	
42.	Điều hòa Phòng Ấc quy tổ 1	
43.	Điều hòa Phòng Ấc quy tổ 2	
44.	Điều hòa Phòng Role ĐKTT số 1	
45.	Điều hòa Phòng Role ĐKTT số 2	
46.	Phòng ĐKTT	
47.	PC Tháp làm mát	
48.	PC Nước tổng hợp	
49.	PC Xử lý nước	
50.	PC Nhiên liệu	
51.	Lò hơi và các TB phụ	
-	Lò hơi số 1	
-	Lò hơi số 2	
52.	Hệ thống phụ trợ	
-	Hệ thống thổi bụi đuôi lò 1	
-	Hệ thống thổi bụi đuôi lò 2	
53.	Hệ thống đốt nhiên liệu	
-	Hệ thống cấp than, đá vôi lò 1 (Hệ thống cấp nhiên liệu than và đá vôi)	
-	Hệ thống cấp than, đá vôi lò 2 (Hệ thống cấp nhiên liệu than và đá vôi)	
54.	Hệ thống quạt (cho 2 tổ máy)	
-	Hệ thống khói gió lò 1	
-	Hệ thống khói gió lò 2	
55.	Hệ thống hơi phụ	
-	Hệ thống hơi tự dùng lò 1	
-	Hệ thống hơi tự dùng lò 2	
56.	Hệ thống lấy mẫu hơi nước cấp và định lượng hoá chất	
-	Hệ thống lấy mẫu, phân tích tự động hơi-nước và cấp hóa chất tổ máy số 1,	
-	Hệ thống lấy mẫu, phân tích tự động hơi-nước và cấp hóa chất tổ máy số 2,	
57.	Bộ khử bụi tĩnh điện	
-	Hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò 1	
-	Hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò 2	
-	Hệ thống giám phát thải tổ 1	
-	Hệ thống giám phát thải tổ 2	
58.	Hệ thống thải xỉ	
-	Hệ thống vận chuyển và thải tro đáy, tro bay lò 1	
-	Hệ thống vận chuyển và thải tro đáy, tro bay lò 2	
59.	Các phần phụ khác (cầu thang gian lò hơi, thiết bị cung cấp nitơ...) (Hệ thống cấp Nito tổ 1)	
-	Hệ thống cấp Nito tổ 1	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
-	Hệ thống cấp Nito tổ 2	
60.	Tuabin và các thiết bị phụ	
-	Tuabin và các thiết bị phụ tổ máy số 1	
-	Tuabin và các thiết bị phụ tổ máy số 2	
61.	Hệ thống nước ngưng	
-	Hệ thống nước ngưng tổ máy 1	
-	Hệ thống nước ngưng tổ máy 2	
62.	Hệ thống nước tuần hoàn	
-	Hệ thống nước tuần hoàn tổ máy số 1	
-	Hệ thống nước tuần hoàn tổ máy số 2	
63.	Hệ thống nước làm mát phụ trợ	
-	Tuabin và các thiết bị phụ Tổ máy số 1	
-	Tuabin và các thiết bị phụ Tổ máy số 2	
64.	Hệ thống gia nhiệt nước cấp	
-	Hệ thống gia nhiệt nước cấp tổ 1	
-	Hệ thống gia nhiệt nước cấp tổ 2	
65.	Bơm cấp lò hơi và phụ kiện	
-	Bơm cấp lò hơi và phụ kiện tổ 1	
-	Bơm cấp lò hơi và phụ kiện tổ 2	
66.	Hệ thống trữ nước ngưng	
-	Hệ thống nước ngưng và chân không tổ máy 1	
-	Hệ thống nước ngưng và chân không tổ máy 2	
67.	Máy phát và các thiết bị phụ	
-	Máy phát và các thiết bị phụ tổ máy số 1	
-	Máy phát và các thiết bị phụ tổ máy số 2	
68.	Hệ thống bảo vệ máy biến áp máy phát và máy phát	
-	Hệ thống bảo vệ máy biến áp máy phát và máy phát tổ 1	
-	Hệ thống bảo vệ máy biến áp máy phát và máy phát tổ 2	
69.	Máy biến áp máy phát	
-	Máy biến áp (110kV) và thiết bị nguồn điện T1	
-	Máy biến áp (110kV) và thiết bị nguồn điện T2	
70.	Máy biến áp phụ tổ máy 110/6.6kv	
-	Máy biến áp tự dòng (110kV) và thiết bị nguồn điện TD91	
-	Máy biến áp tự dòng (110kV) và thiết bị nguồn điện TD92	
71.	Máy cắt đầu cực máy phát (SF6) và các thiết bị có liên quan cho cả 02 tổ máy	
-	Hệ thống 10.5KV tổ máy số 1	
-	Hệ thống 10.5KV tổ máy số 2	
72.	Máy biến áp 6.6kv/400	
-	Máy biến áp 6.6kv/400 tổ 1	
-	Máy biến áp 6.6kv/400 tổ 2	
73.	Tủ bảng 6.6 kv	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
-	Tủ bảng 6.6 kv tổ 1	
-	Tủ bảng 6.6 kv tổ 2	
74.	Hệ thống tủ điều khiển 6.6kv	
-	Hệ thống tủ điều khiển 6.6kv tổ 1	
-	Hệ thống tủ điều khiển 6.6kv tổ 2	
75.	Hệ thống cách ly thanh cái và hệ thống phụ	
-	Hệ thống cách ly thanh cái và hệ thống phụ tổ 1	
-	Hệ thống cách ly thanh cái và hệ thống phụ tổ 2	
76.	Hệ thống tủ bảng 400v	
-	Hệ thống tủ bảng 400v tổ 1	
-	Hệ thống tủ bảng 400v tổ 2	
77.	Dao cách ly 400v	
-	Dao cách ly 400v tổ 1	
-	Dao cách ly 400v tổ 2	
78.	Tủ đo lường	
-	Tủ đo lường tổ 1	
-	Tủ đo lường tổ 2	
79.	Hệ thống UPS một chiều 220V	
-	Hệ thống UPS một chiều 220V Tổ 1	
-	Hệ thống UPS một chiều 220V Tổ 2	
80.	Máy cắt một chiều 220V	
-	Máy cắt một chiều 220V tổ 1	
-	Máy cắt một chiều 220V tổ 2	
81.	Bộ nạp ác quy một chiều 220V	
-	Bộ nạp ác quy một chiều 220V tổ 1	
-	Bộ nạp ác quy một chiều 220V tổ 2	
82.	Ác quy 220V	
-	Ác quy 220V tổ 1	
-	Ác quy 220V tổ 2	
83.	Máy biến áp tự dùng chung 220/6,6 kV (Máy biến áp tự dùng và thiết bị nguồn điện T3)	
84.	Hệ thống cáp cho toàn bộ dự án (Hệ thống cáp điện)	
85.	Hệ thống bảo vệ ánh sáng và tiếp địa cho toàn dự án	
86.	Hệ thống chiếu sáng trong nhà máy	
87.	Đèn tín hiệu phòng không cho ống khói	
88.	Hệ thống thông tin liên lạc	
89.	Máy phát sự cố diezen và hệ thống phụ	
-	Hệ thống nguồn sự cố tổ máy số 1	
-	Hệ thống nguồn sự cố tổ máy số 2	
90.	Máy cắt đầu cực 220 kV	
91.	Máy biến áp nguồn	
92.	Máy biến áp thay đổi điện áp	
93.	Dao tiếp địa và dao cách ly	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
94.	Sứ cách điện	
95.	Van chống tràn	
96.	Thiết bị khớp nối thứ cấp	
97.	Hệ thống bảo vệ đường dây	
98.	Bảo vệ thanh cái	
99.	Bộ dữ liệu ghi lỗi và phạm vi danh giới lỗi	
-	Hệ thống giám sát và đo lường, phần cứng, phần mềm TM1	
-	Hệ thống giám sát và đo lường, phần cứng, phần mềm TM2	
100.	Hệ thống điều khiển DCS tổ máy số 1	
101.	Hệ thống điều khiển DCS tổ máy số 2	
102.	Điều khiển trạm điện và hệ thống phần mềm và các giao diện phụ khác (Hệ thống SCADA)	
103.	Hệ thống PLC ETS của Turbine S1	
104.	Hệ thống PLC ETS của Turbine S2	
105.	Hệ thống PLC vận trục của Turbine S1	
106.	Hệ thống PLC vận trục của Turbine S2	
107.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống kích từ S1	
108.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống kích từ S2	
109.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống điều hòa khối trung tâm	
110.	Hệ thống PLC hệ thống máy nén khí	
111.	Hệ thống PLC điều khiển van nước đầu đẩy bơm tuần hoàn	
112.	Hệ thống PLC hệ thống hút bụi khối nhà đá vôi	
113.	Hệ thống PLC hệ thống hút băng tải 800 nhà đá vôi	
114.	Hệ thống PLC hệ thống máy cấp rung đá vôi	
115.	Hệ thống PLC hệ thống máy đánh đồng kho than	
116.	Hệ thống PLC hệ thống lấy mẫu than tự động	
117.	Hệ thống PLC hệ thống máy cấp rung băng tải 4	
118.	Hệ thống PLC hệ thống hút bụi băng tải than số 3A/B	
119.	Hệ thống PLC hệ thống hút bụi băng tải than số 2A/B	
120.	Hệ thống PLC hệ thống hút bụi băng tải than số 1A/B	
121.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống bơm đập nước số 1	
122.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống van đầu đẩy bơm đập nước số 1	
123.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống bơm đập nước số 2	
124.	Hệ thống PLC điều khiển hệ thống van đầu đẩy bơm đập nước số 1	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
125.	Hệ thống xử lý nước thô (Hệ thống nước đầu vào, nước thô và khử khoáng)	
126.	Hệ thống xử lý nước thải	
127.	Hệ thống cung cấp than	
128.	Hệ thống cung cấp đá vôi	
129.	Hệ thống khí nén	
130.	Hệ thống chứa và bốc dỡ dầu Nhiên liệu (Hệ thống dầu đốt)	
131.	Lò hơi khởi động (Hệ thống lò hơi khởi động)	
132.	Hệ thống cứu hoả (Hệ thống báo cháy và chữa cháy)	
133.	Thiết bị nâng và cần trục	
-	Cần trục 2 dầm nhà bơm nước tuần hoàn.	
-	Cần trục 2 dầm gian Tuabin	
-	Thang máy tổ máy 2	
-	Cân điện tử	
134.	Dụng cụ phòng thí nghiệm và xưởng sửa chữa, bảo dưỡng	
135.	Máy nghiền than	
136.	Biến tần động cơ 6 kV	
137.	Biến tần cho quạt khói tổ máy số 2	
138.	Hệ thống điều khiển tự động tổ máy 1 (DCS 1)	
139.	Thiết bị phục vụ sản xuất 2020 (Rơ le bảo vệ khối MF-MBA tổ máy số 2)	
140.	Thiết bị phục vụ sản xuất 2020 (Máy cắt cho máy biến áp hệ thống điện trung áp)	
141.	Thiết bị phục vụ sản xuất 2020 (Bộ làm nguội xi 1,2 lò 2)	
142.	Cân than trên băng tải	
143.	Biến tần cho quạt sơ cấp và thứ cấp tổ máy số 1,2	
144.	Hệ thống giám sát độ rung các thiết bị chính	
145.	Hệ thống Điều khiển tự động tổ 2 và dùng chung	
146.	Hệ thống Điều khiển tự động AGC tổ 1&2	
147.	Thiết bị truyền dẫn đến trạm 220 kV	
148.	Nhà sinh hoạt cộng đồng	
149.	Máy nghiền mẫu thô- Trung Quốc XPC-100x60 Kích thước 330x360x380 Y90L-4. 1.5kw	
150.	Máy nghiền mẫu tinh	
151.	Máy sàng rung-Trung Quốc SH-450S	
152.	Cân phân tích -Loại JA31002 0,01g-3100g	
153.	Cân phân tích - Mettler Toledo AX1004 Comparator Max1109g	
154.	Cân phân tích - Sartorius TE214S Max 210g	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
155.	Lò sấy mẫu than- Loại Q/IKEF01-2001 To : 50-200oC	
156.	Lò nung mẫu than-Carbolite Gero. AAF 1100	
157.	Bom nhiệt- Leco AC-500	
158.	Tủ hút khí độc-Model: TD-KDI-001 Công suất quạt: 0,75kw	
159.	Máy đo độ dẫn điện trong nước cầm tay-Mettler Toledo	
160.	Máy đo độ pH cầm tay-Mettler Toledo	
161.	Máy đo quang phổ - DR-6000	
162.	Máy cưa thủy lực G7025B	
163.	Máy mài 2 đá J4143-85	
164.	Máy Tiện ren vít vẠN NĂNG C6246 B	
165.	Máy Phay vẠN NĂNG X6042AT-L5	
166.	Máy xọc B5032E	
167.	Máy lọc tôn W11-6x3200	
168.	Máy tiện CQ 6236	
169.	Máy tiện ren vít vẠN NĂNG C6246 B 4 châu	
170.	Máy tiện CQ 6236 số 2	
171.	Máy tiện dài CW6194B	
172.	Máy khoan cần Z3032x10	
173.	Máy khoan bàn ZQ 4125	
174.	Máy khoan đứng Z 5045	
175.	Máy ép thủy lực màu vàng 100T ENERPAC	
176.	Máy ép thủy lực màu đen YTD32-63T	
177.	Máy sản tôn WF 67-63x2500	
178.	Máy cắt tôn QC12Y-10x2500	
179.	Máy mài 2 đá J4I43-85 số 2	
180.	Máy mài phẳng SGA 40100AHR	
181.	Máy mài dụng cụ PP-600F	
182.	Máy mài dao cắt M 6025K	
183.	Máy nghiền than	
184.	Máy rà vẠN DẠNG CÔN VÀ DẠNG THẲNG	
185.	Hệ thống ắc quy tổ 2 trạm 220kv	
186.	Ắc quy tổ 1 trạm 220kV	
187.	Hệ thống điều hòa trung tâm (TBSX 2021)	
188.	Máy biến áp tổ máy số 1 (TBSX 2021)	
189.	Thang máy tổ máy số 1 (TBSX 2021)	
190.	Thiết bị đo mẫu (TBSX 2021)	
191.	Cân băng tải 2A/2B (TBSX 2021)	
192.	Hệ thống thải xỉ đáy lò số 1 (TBSX 2021)	
193.	Hệ thống UPS tổ máy số 2	
194.	Điều hòa phòng trung tâm A/C (TBSX 2023)	
195.	Rơ le bảo vệ máy biến áp T3 (TBSX 2023)	
196.	Động cơ và quạt cao áp 1B (TBSX 2023)	

Stt	Tên TSCĐ	Ghi chú
197.	Động cơ và quạt sơ cấp 1A (TBSX 2023)	
198.	Hệ thống UPS tổ 1	
199.	Hệ thống van an toàn (TBSX 2023)	
200.	Thiết bị phân tách giá trị nhiệt lượng	
201.	Thiết bị nhà ăn ca	
202.	Điều hòa nhiệt độ loại âm trần công suất 50.000Btu	
203.	Hệ thống quan trắc nước thải tự động kết nối sở TNMT	
204.	Hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục (CEMS)	
205.	Máy photocopy - TBSX 2024	
206.	Máy chụp ảnh nhiệt - TBSX 2024	
207.	Máy lọc tách dầu bôi trơn tuabin - MLC-LVDH-60(TBSX 2021)	
208.	Máy tách lọc dầu EH - MLC-LVDH-TRIX -20 (TBSX 2021)	
209.	Hệ thống đo và giám sát chất lượng nước online	
210.	Bơm nước đập 1 KQSN250-N4/565 (GÓI 7 TBSX 2021)	
211.	Bơm nước đập 2 DX7K41H-16Q (GÓI 7 TBSX 2021)	
212.	Bơm nước sản xuất 1 KQWH80-200ZA-II (TBSX 2021)	
213.	Bơm nước sinh hoạt 1 KQH65-250IA-II (TBSX 2021)	
214.	Bơm nước lọc KQWH80-200ZA-II (TBSX 2021)	
215.	Bơm nước rửa ngược KQWH100-125-II (TBSX 2021)	
216.	Bơm nước trung gian B dây khử khoáng B KQWH80-200ZA-II (TBSX 2021)	
217.	Toyota Camry: 30E-96733	
218.	Toyota LANDCRUSER: 29Y-1989	
219.	Máy xúc lật hiệu Liugong model ZL50C	
220.	Máy xúc lật hiệu Liugong model ZL50C	
221.	Xe cứu thương số khung: 49K 009028, số máy: 07709292TR, Biển số 98H- 3931	
222.	Máy xúc lật hiệu Liugong model ZL50C số khung: L 0905220, số máy: 12096012801	
223.	Máy xúc lật hiệu Liugong model ZL50C số khung: L 0904006, số máy: 12096012782	
224.	Máy gạt (Máy ủi bánh xích HD22- TBSX 2024)	
225.	Xe nâng (CPCD70 - TBSX 2024)	
226.	Xe cứu hỏa 98CD-00082	
227.	Xe ô tô 16 chỗ (Transit JX6606TB-N6)	
228.	Xe bán tải 5 chỗ (TRAE18C5AAE)	
229.	Máy xúc đào bánh lốp	
230.	Hệ thống vận chuyển tro xỉ, đá vôi (Dự án đầu tư nâng cấp 2026)	
231.	Hệ thống hút bụi băng tải vận chuyển than và đá vôi (Dự án đầu tư nâng cấp 2026)	
232.	Thiết bị đo lưu lượng gió lò hơi số 1, số 2 (Dự án đầu tư nâng cấp 2026)	
233.	Hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục lắp lên thân ống khói (Dự án đầu tư mới 2026)	